Số: 153/KH-UBND
Thời gian ký: 2025-12-29T20:50:17+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	**Kết quả các chỉ số đánh giá hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh**			
1.1	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index)	Thuộc nhóm Tốt (cải thiện vị trí so với năm 2025)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
1.2	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (SIPAS)	Thuộc nhóm Tốt (cải thiện vị trí so với năm 2025)	Văn phòng UBND tỉnh	
1.3	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Tài chính	
1.4	Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh (DTI)	Thuộc nhóm Tốt (cải thiện vị trí so với năm 2025)	Sở Khoa học và Công nghệ	
1.5	Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp (Chỉ số 766)	Thuộc nhóm Xuất sắc (trên 90 điểm), nằm trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu cả nước	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
1.6	Kiểm tra cải cách hành chính	20% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
2	**Cải cách thể chế**			
2.1	VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng, ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục xây dựng VBQPPL theo quy định	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.2	Dự thảo VBQPPL có nội dung phức tạp, tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp phải được tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình Đảng ủy UBND tỉnh/ Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến trước khi ban hành	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.3	Kiểm tra công tác xây dựng VBQPPL tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh hoặc cấp xã nhằm kịp thời phát hiện sai sót, hạn chế để hướng dẫn khắc phục	Từ 3 đến 5 cơ quan, đơn vị	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.4	Nội dung giao HĐND, UBND tỉnh quy định chi tiết, giao quy định nội dung khác tại các VBQPPL do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành được lập Danh mục văn bản giao quy định chi tiết trình Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, phân công cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo văn bản đảm bảo đúng thẩm quyền, quy trình và tiến độ	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.5	Thực hiện tiếp nhận và xử lý đầy đủ các phản ánh, kiến nghị về VBQPPL đảm bảo kịp thời, đúng quy định	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.6	Tổ chức kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh hoặc cấp xã nhằm kịp thời phát hiện sai sót, hạn chế để hướng dẫn khắc phục.	Từ 3 đến 5 cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
3	**Cải cách thủ tục hành chính**			
3.1	Tỷ lệ công bố, công khai TTHC đúng hạn	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh
3.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
3.3	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, chi phí tuân thủ TTHC	50% so với năm 2024	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
3.4	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng và trước hạn	97%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
4	**Cải cách tổ chức bộ máy**			
4.1	Tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh	3%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh
4.2	Tỷ lệ giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trừ lĩnh vực y tế và giáo dục)	10% so với năm 2022	Sở Nội vụ	Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn
5	**Tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra công vụ**	>20%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
6	**Cải cách tài chính công**			
6.1	Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ	100%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND cấp xã.
6.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập nâng mức độ tự chủ lên tự đảm bảo chi thường xuyên	1	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, ĐVSNCL, UBND cấp xã.
7	**Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước**			

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	**Đơn vị thực hiện**
7.1	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Nhóm Tốt Cải thiện vị trí so với năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành, địa phương
7.2	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương
7.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương
7.4	Chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến			
	- Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan HCNN	*100%*	*Văn phòng UBND tỉnh*	*Các sở, ngành, địa phương*
	- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	*100%*		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ của DVCTT	*90%*		
	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	*100%*		
	- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	*100%*		
	- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	*> 90%*		
	- Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	*> 90%*		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số /KH-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**				
1	Ban hành Kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền công tác cải cách hành chính	Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai	Quý I
2	Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
3	Ban hành Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
4	Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
5	Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng	Các sở, ngành, địa phương	Quý II

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính của các sở, ngành địa phương, hỗ trợ công tác thống kê, phân tích và báo cáo kết quả chỉ số PAR INDEX, SIPAS của tỉnh dựa trên dữ liệu, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính	Đưa vào sử dụng Hệ thống đánh giá cải cách hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
7	Sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III
8	Xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2026 đối với các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý III
9	Tập huấn cho đội ngũ công chức cấp xã tham mưu công tác cải cách hành chính	Kế hoạch tổ chức tập huấn	Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, KHCN	UBND cấp xã	Quý III
10	Khung danh mục nhiệm vụ triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2026	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sau khi Trung ương công bố kết quả xếp hạng

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
II	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**				
11	Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (gọi tắt là VBQPPL của cơ quan cấp trên)	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Thường xuyên
		Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quy định chi tiết nội dung được giao tại VBQPPL của cơ quan cấp trên	Theo Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết VBQPPL của cơ quan cấp trên hoặc văn bản giao nhiệm vụ của UBND/Chủ tịch UBND tỉnh		
12	Cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được cập nhật, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; Báo cáo tình hình cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật	Sở Tư pháp	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành liên quan	Thường xuyên

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp; các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Trước 31/12/2025
		Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch			Quý IV
14	Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch
15		Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật; Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả tổ chức thi hành pháp luật.			Báo cáo hàng năm theo đề nghị của Bộ Tư pháp
16	Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát và xử lý kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL.	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
III	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**				
17	Ban hành Quy chế kiểm soát thủ tục hành chính	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý I

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
18	Ban hành Quy chế giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
19	Quy chế phối hợp tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
20	Nghiên cứu, đề xuất mở rộng mô hình ki-ốt dịch vụ công tại các đơn vị lực lượng vũ trang theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 07/12/2025	Kế hoạch/Văn bản của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Quý II
21	Rà soát, công bố TTHC, TTHC nội bộ; phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC, TTHC nội bộ	- Quyết định công bố TTHC, TTHC nội bộ - Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC, TTHC nội bộ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
22	Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.	Báo cáo/văn bản đề xuất	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
IV	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**				
23	Triển khai sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập	Phương án/Đề án của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh	Theo Phương án được phê duyệt
24	Quyết định quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND của từng đơn vị hành chính cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
25	Đề xuất phân cấp/ủy quyền phê duyệt vị trí việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý I
26	Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2026 - 2031	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II
27	Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp xã	Quý II
28	Lập hồ sơ đề nghị Bộ Nội vụ phân loại đơn vị hành chính tỉnh Gia Lai	Tờ trình của UBND tỉnh (kèm theo hồ sơ) gửi Bộ Nội vụ thẩm định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Quý II
29	Đánh giá kết quả 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 93/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung phân cấp, ủy quyền phù hợp với tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo đánh giá kết quả 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 93/KH-UBND ngày 14/10/2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý III
V	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC**				
30	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý I

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
31	Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
32	Triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm và sản phẩm đầu ra	Văn bản triển khai của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vị trí việc làm
33	Kiểm tra việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Theo kế hoạch năm hoặc đột xuất
VI	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**				
34	Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị của cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND cấp xã	Sở Tài chính	Quý I
35	Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Quý I

	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
36	Rà soát, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Sở Tài chính	Sau khi hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương
37	Thực hiện kế hoạch chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành Công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; các cơ quan có liên quan	Giai đoạn 2026-2030 (sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ)
VII	**CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**				
38	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
39	Xây dựng Khung Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh cấp tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
40	Triển khai Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
41	Xây dựng Kho dữ liệu số thông minh	Kho dữ liệu số thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý III
42	Xây dựng Hệ thống dashboard giám sát công tác giải quyết hồ sơ TTHC	Hệ thống giám sát	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý IV